TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: **05**/2024/KDTM - ST Ngày 26 tháng 01 năm 2024 V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Minh**

Ông Nguyễn Việt Anh

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Trần Hải Minh**

Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai – thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Nhung** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số 49/2023/KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc: *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62 ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A;

Trụ sở: Số 41 đường V, phường N, C, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T — Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; bà Nguyễn Thúy N - sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện Đ, Hà Nội(theo giấy uỷ quyền ngày 16/11/2023)(có mặt bà Nga).

- Bị đơn: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B

Trụ sở: Số 35G tổ 47, phường V, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H – Chức vụ: Giám đốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1202 D2 CT2 T, phường H, quận H Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: nhà số 35G tổ 47, phường V, quận H, Hà Nội(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện, được bổ sung bởi các Bản tự khai, Biên bản công khai chứng cứ và hòa giải, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH A trình bày như sau:

Ngày 03/01/2019, Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B (sau đây gọi tắt là Công ty HP98) có ký hợp đồng mua bán số 03.01/HP98-MH/2019 ngày 03/01/2019 với nội dung thỏa thuận về việc mua bán hàng hóa là sản phẩm do tập đoàn Sika sản xuất. Sau khi ký hợp đồng, Công ty A đã giao hàng đúng đối tượng, khối lượng hàng hóa theo yêu cầu của Công ty HP98. Dư nợ đầu kỳ năm 2019 là 4.057.077.437 đồng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Công ty HP98 đã thanh toán cho Công ty A số tiền là 70.000.000 đồng; năm 2020 thanh toán tiếp 80.000.000 đồng. Sau đó hai bên không phát sinh mua bán hàng hóa nữa và Công ty HP98 cũng không còn thanh toán cho Công ty A nữa.

Tại biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận Công ty HP98 còn nợ Công ty A số tiền: 3.907.077.437 đồng. Nay Công ty A khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên buộc: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH A toàn bộ số tiền là: 3.907.077.437 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm linh bảy triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng). Trong trường hợp phía bị đơn không thanh toán trả nợ số tiền này thì phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại HP 98 do ông Lê Văn H là đại diện trình bày:

Công ty HP98 và Công ty A có ký hợp đồng mua bán số 03.01/HP98-MH/2019 ngày 03/01/2019 với nội dung thỏa thuận về việc mua bán hàng hóa là các sản phẩm do tập đoàn Sika sản xuất. Quá trình thực hiện hợp đồng không nảy sinh vấn đề gì, tuy nhiên do khó khăn về kinh tế, công ty HP98 có vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Từ đầu

năm 2020 đến nay, giữa hai bên công ty vẫn thường xuyên liên hệ để đối chiếu về mặt công nợ và thỏa thuận về việc thanh toán nhưng do gặp khó khăn nên Công ty HP98 chưa thể thanh toán được. Công ty HP98 xác nhận nợ Công ty A số tiền: 3.907.077.437 đồng.

Công ty HP98 có ý kiến là sẽ bố trí trả dần từ tháng 03 năm 2024, đề nghị Công ty A không tính lãi, phối hợp chia sẻ khó khăn với Công ty HP98. Còn nếu yêu cầu Công ty HP98 thanh toán ngay toàn bộ khoản tiền trên thì hiện nay phía bị đơn không có khả năng để thanh toán toàn bộ số nợ trên.

Tại phiên toà: Nguyên đơn trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã gửi Toà án, chia sẻ khó khăn với bị đơn, đề nghị Toà án tuyên buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 3.907.077.437 đồng, bị đơn phải chịu lãi suất theo quy định cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn tự nguyện xin rút yêu cầu tính lãi trên số nợ chưa thanh toán kể từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn: giữ nguyên lời trình bày như quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn trình bày do quá khó khăn, bị đơn cũng bị một số khách hàng nợ nên không có khả năng thanh toán. Đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Vụ án được giải quyết trong hạn luật định. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chúng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện, tham gia đầy đủ các buổi làm việc với Toà án thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015. Bị đơn cũng thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn là 3.907.077.437 đồng. Đình chỉ xét xử với yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc chậm thanh toán của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện theo đúng thoả thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại điều 319 Luật thương mại 2005, thời hiệu khởi kiện tranh chấp thương mại là 2 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn, hai bên vẫn xác nhận công nợ tính đến 30/6/2022. Ngày 23/10/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện. Do vậy, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3]- Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH A toàn bộ nợ gốc là 3.907.077.437 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: hợp đồng mua bán số 03.01/HP98-MH/2019 ngày 03/01/2019 ký kết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Các bên cũng không có yêu cầu nào khác phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình giải quyết, hai bên đều thừa nhận công nợ và không có ý kiến nào khác.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 và lời khai của hai bên đủ cơ sở khẳng định: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B còn nợ Công ty TNHH A số tiền nợ gốc là: 3.907.077.437 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ chín trăm linh bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Do Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B phải trả số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán kể từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ cho đến khi Toà án xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của Công ty TNHH A.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Do các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên

nguyên đơn không phải chịu án phí. Phía bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn theo quy định.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điều 116,117,119, 274, 275, 276 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điều 24, 319 Luật thương mại;

- Căn cứ điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B: buộc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH A số tiền là 3.907.077.437 đồng (Ba tỷ chín trăm linh bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng) theo hợp đồng mua bán số **03.01/HP98-MH/2019 ngày 03/01/2019**.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 26/01/2024, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn kể từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B phải chịu 110.141.548 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH A số tiền 55.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền số BLTU/23/0010801 ngày 26/10/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự Q, Hoàng Mai
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc